

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 182/2026/HS-ST
Ngày 23-06-2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Trường và ông Trần Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Phí Hoàng Tuấn – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 06 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 161/2026/TLST-HS ngày 19 tháng 05 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 06 năm 2026 đối với bị cáo:

Chăng Lý Anh T1 (tên khác: **T2**), sinh ngày 08-07-1987 tại Lâm Đồng; nơi cư trú: **Số E, đường L, phường B, tỉnh Lâm Đồng**; nghề nghiệp: Lao động tự do; căn cước công dân số 068087008909, cấp ngày 21-09-2022; trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Chăng Hôn B** và bà **Võ Thị H** (đã chết); vợ **Trịnh Thị L** (đã ly hôn); tiền sự: Quyết định số 01/QĐ-TA ngày 02-01-2024 của Toà án nhân dân (TAND) **thành phố B, tỉnh Lâm Đồng** (nay là TAND khu vực 4 – Lâm Đồng) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 26-11-2025. Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 30-12-2025 Ủy ban nhân dân (UBND) **phường B, tỉnh Lâm Đồng**, về việc quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú, thời hạn từ ngày 25-12-2025 đến ngày 25-12-2027; tiền án: không; nhân thân:

Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 29-05-2008 của **UBND thành phố B**, tỉnh Lâm Đồng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, thời gian 24 tháng, đã chấp hành xong.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02 ngày 23-06-2014 **Công an**

phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (nay là Công an P, tỉnh Lâm Đồng) xử phạt hành chính hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp phạt ngày 23-06-2014;

Bản án số 46/2015/HSST ngày 19-06-2015 của TAND thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 05 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành án xong ngày 25-01-2019, đã xoá án tích;

Bản án số 90/2021/HSST ngày 21-06-2021 của TAND thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, xử phạt 18 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án xong ngày 11-09-2022, đã xoá án tích.

Bị bắt tạm giữ, sau đó chuyển tạm giam tại Phân trại tạm giam B2 (cơ sở 2), Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh L từ ngày 08-03-2026, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chẳng Lý Anh T1 đang chấp hành Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 30-12-2025 của UBND phường B, tỉnh Lâm Đồng về việc quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú, thời hạn từ ngày 25-12-2025 đến ngày 25-12-2027. Vào sáng ngày 07-03-2026, do có nhu cầu sử dụng ma túy, Chẳng Lý Anh T1 đi bộ một mình đến khu vực đường tránh thuộc phường B, tỉnh Lâm Đồng gặp một đối tượng tên T (chưa rõ nhân thân, lai lịch), tại đây T1 mua của T một gói nylon chứa ma túy đá và một đoạn ống hút nhựa hàn kín chứa ma túy loại Heroin với giá 400.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T1 mang về nhà tại địa chỉ số E, đường L, phường B, tỉnh Lâm Đồng và lấy ma túy heroin ra sử dụng trong nhà vệ sinh bằng hình thức tiêm vào cơ thể. Đến chiều cùng ngày, T1 tiếp tục lấy ma túy đá cùng bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế gồm ống thủy tinh, ống hút nhựa, chai nhựa và sử dụng ma túy bằng hình thức hút tại phòng khách trong nhà, sau khi sử dụng xong Thụ cất bộ dụng cụ gồm ống thủy tinh và ống hút nhựa vào tủ phòng khách và vứt chai nhựa cùng bơm kim tiêm đi.

Ngày 08-03-2026 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) khu vực 4 – Lâm Đồng và Trung tâm y tế K, tỉnh lâm Đồng tiến hành lấy mẫu ma túy trong nước tiểu của T1 để tiến hành giám định chất ma túy. Tại Kết luận giám định số 758/KL-KTHS ngày 13-03-2026 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L kết luận: Tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine, trong mẫu nước tiểu ghi tên Chẳng Lý Anh T1 gửi giám định: Mẫu chất bám dính thu giữ trong ống thủy tinh là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,0188 gam.

Tại Cáo trạng số 55/CT-VKS-KV4 ngày 13-05-2026 của VKSND khu vực 4 – Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Chẳng Lý Anh T1 về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện VKSND khu vực 4 – Lâm Đồng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo cáo trạng đã công bố và đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo **Chăng Lý Anh T1** về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, đề nghị xử phạt từ 02 đến 03 năm tù. Về tang vật đề nghị tịch thu và tiêu hủy. Về án phí bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng:

Chăng Lý Anh T1: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh L**, Điều tra viên, VKSND khu vực 4 – Lâm Đồng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo **Chăng Lý Anh T1** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận ngày 07-03-2026 bị cáo đã thực hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy loại Methamphetamine trong thời gian chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú, bị cáo là người có đầy đủ nhận thức, bị cáo biết rõ việc sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vì để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên bị cáo sử dụng trái phép ma túy, tội danh và hình phạt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Đối với chất ma túy thu giữ được bên trong ống thủy tinh mà **Chăng Lý Anh T1** sau khi sử dụng trái phép chất ma túy còn lại, Kết luận giám định số 758 ngày 13-03-2026 của **Phòng K1 Công an tỉnh L** xác nhận là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,0188 gam, không đủ định lượng cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, do đó không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong vụ án, đối tượng bán ma túy cho **Chăng Lý Anh T1** có dấu hiệu của tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tuy nhiên, không xác định được nhân thân, lai lịch nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý sau.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo, các

tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng đã cố ý phạm tội. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến chính sách quản lý và sử dụng các chất ma túy của Nhà nước, gây mất an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, khi lượng hình cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian mới có đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 để giảm nhẹ một phần hình phạt cũng đủ tác dụng đối với bị cáo, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

- Nhân thân:

Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 29-05-2008 của UBND thành phố B, tỉnh Lâm Đồng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, thời gian 24 tháng, đã chấp hành xong.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02 ngày 23-06-2014 Công an phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (nay là Công an P, tỉnh Lâm Đồng) xử phạt hành chính hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp phạt ngày 23-06-2014;

Bản án số 46/2015/HSST ngày 19-06-2015 của TAND thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 05 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành án xong ngày 25-01-2019, đã xoá án tích;

Bản án số 90/2021/HSST ngày 21-06-2021 của TAND thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, xử phạt 18 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án xong ngày 11-09-2022, đã xoá án tích.

[4] Về vật chứng: Tịch thu và tiêu hủy: 01 ống hút nhựa màu tím sọc trắng, 01 đoạn ống thủy tinh được uốn cong và thổi phồng 01 đầu được gắn nắp nhựa màu vàng, được niêm phong trong 01 phong bì niêm số 758 ngày 13-03-2026 có dấu tròn của Phòng K1 Công an tỉnh L và chữ ký Giám định viên Đinh Trung H1.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Chăng Lý Anh T1** phạm tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt: bị cáo **C Lý Anh T1** 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08-03-2026.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy: 01 ống hút nhựa màu tím sọc trắng, 01 đoạn ống thủy tinh được uốn cong và thổi phồng 01 đầu được gắn nắp nhựa màu vàng, được niêm phong trong 01 phong bì niêm số 758 ngày 13-03-2026 có dấu tròn của **Phòng K1 Công an tỉnh L** và chữ ký Giám định viên **Đinh Trung H1** (*Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18-05-2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Lâm Đồng*).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo **C Lý Anh T1** phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 4 – Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo (*để thi hành*);
- Phòng THADS khu vực 4 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- THA hình sự;
- Phòng HS Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Công an huyện Di Linh;
- Bị cáo, bị hại, người LQ (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- THA hình sự;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1)
(4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp

luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn L1 (ví dụ: Ông Trần B1, Luật sư Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh H2 bào chữa cho Nguyễn Văn C1); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội L3 bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)